

Số: 75/2020/QĐST-HNGĐ

*Hải An, ngày 07 tháng 5 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1- Chị Bùi Thị Nh

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố L1 (nay là số 16/130 C, tổ dân phố L2, phường Tr, quận H, Hải Phòng).

Nơi ở: Số 182 T, phường Đ, quận H, Hải Phòng.

2- Anh Nguyễn Quang Vinh

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố L1 (nay là số 16/130 C, tổ dân phố L2, phường Tr, quận H, Hải Phòng).

Nơi ở: Số 41/39/215 L3, phường M, Quận Ng, thành phố Hải Phòng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Nh và anh Nguyễn Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/9/2010, tại Ủy ban nhân dân phường Tr, quận H, thành phố Hải Phòng, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách, lối sống của vợ chồng không phù hợp. Từ tháng 9/2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn

quan tâm, trách nhiệm với nhau. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, nên chị Nh và anh V cùng thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nh và anh V có 01 con chung là Nguyễn Quang L3, sinh ngày 30/9/2012. Chị Nh và anh V thỏa thuận: Chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh V có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Nh số tiền 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng một tháng), tính từ tháng 5/2020 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị Nh và anh V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Nh và anh V mỗi người chịu  $\frac{1}{2}$  lệ phí theo quy định của pháp luật.

[5] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29/4/2020, ghi nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của chị Nh và anh V gồm các nội dung từ [1] đến [4]. Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Nh và anh Nguyễn Quang V cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quang L3, sinh ngày 30/9/2012, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh V có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nh số tiền 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng một tháng) tính từ tháng 05/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nh và anh V không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nh và anh V mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  lệ phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Nh và anh V đã nộp đủ lệ phí theo các Biên lai thu tạm ứng Án phí, lệ phí Tòa án số 0005603 và 0005604

ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Kể từ ngày chị Bùi Thị Nh có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Quang V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND phường Tr, quận H,  
thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Bích Thủy**